

Số: *01* /QĐ-UBND

Chư Sê, ngày *06* tháng 01 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT.

*[Handwritten signature]*

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Hồng Linh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ**

**công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND huyện Chư Sê**  
**phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008**  
**đối với các lĩnh vực hoạt động của UBND huyện**  
*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /QĐ-UBND*  
*ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch UBND huyện Chư Sê)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.**

Chư Sê, ngày 06 tháng 01 năm 2016

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Hồng Linh*  
**Nguyễn Hồng Linh**

## PHỤ LỤC

### Danh mục các quy trình và thủ tục hành chính theo lĩnh vực của UBND huyện Chư Sê trong phạm vi áp dụng của Hệ thống quản lý chất lượng được công bố phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

(Kèm theo Quyết định số: 01 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chủ tịch UBND huyện Chư Sê)

Tổng số: 08 quy trình chung,  
189 thủ tục thuộc 15 lĩnh vực.

STT	Quy trình, thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực
<b>A/ Quy trình chung:</b>	
1	Quy trình kiểm soát tài liệu;
2	Quy trình kiểm soát hồ sơ;
3	Quy trình đánh giá nội bộ;
4	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo về HTQLCL
5	Quy trình hành động khắc phục – phòng ngừa
6	Quy trình kiểm soát sản phẩm (dịch vụ) không phù hợp
7	Quy trình kiểm soát công việc
8	Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến
<b>B/ Quy trình thủ tục hành chính theo lĩnh vực</b>	
<b>I. Lĩnh vực công thương (8 thủ tục)</b>	
1	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu
2	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực (5 năm)
3	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
4	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực (5 năm)
5	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá
6	Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh bán lẻ ( hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá
7	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ( hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá trong trường hợp hết thời hạn
8	Cấp lại giấy phép kinh doanh bán lẻ ( hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá trong trường hợp giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy

<b>II. Lĩnh vực môi trường đất đai (42 thủ tục)</b>	
9	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng (cấp lần đầu)
10	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sử dụng nhà ở cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài
11	Đăng ký mua bán, thừa kế, tặng cho, đổi nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất ở đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng và đủ điều kiện được sở hữu nhà ở tại Việt Nam
12	Cấp giấy chứng nhận đối với trường hợp thửa đất không có tài sản gắn liền với đất hoặc có tài sản nhưng người sử dụng đất không có nhu cầu chứng nhận quyền sở hữu hoặc có tài sản nhưng thuộc quyền sở hữu của chủ khác( cấp lần đầu)
13	Cấp giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
14	Cấp giấy chứng nhận cho người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng
15	Đính chính đối với các loại giấy chứng nhận đã cấp
16	Cấp đổi Giấy chứng nhận được cấp theo quy định của pháp luật trước ngày 01/08/2009 (mẫu giấy chứng nhận cũ) và cấp đổi Giấy chứng nhận bị ố, nhòe, rách, nát, hư hỏng hoặc do đo đạc lại trong trường hợp không có yêu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
17	Cấp đổi các loại Giấy chứng nhận đã cấp và cấp đổi Giấy chứng nhận bị ố, nhòe, rách, nát, hư hỏng hoặc do đo đạc lại trong trường hợp có yêu cầu bổ sung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
18	Cấp lại giấy chứng nhận do bị mất
19	Gia hạn sử dụng đất đối với hộ gia đình cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp, hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp được nhà nước cho thuê đất nông nghiệp
20	Đăng ký biến động về SD đất, tài sản gắn liền với đất do đổi tên; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về diện tích xây dựng; diện tích sử dụng, tầng cao; kết cấu chính; cấp (hạng) nhà, công trình; thay đổi thông tin về quyền sở hữu rừng cây
21	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận
22	Đăng ký chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận
23	Đăng ký chuyển nhượng /mua bán, thừa kế, tặng cho tài sản gắn liền với đất sau khi đã cấp Giấy chứng nhận
24	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
25	Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

26	Đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
27	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
28	Đăng ký nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn, kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
29	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai
30	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất
31	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất
32	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai đồng thời là người sử dụng đất)
33	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không đồng thời là người sử dụng đất)
34	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký.
35	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp
36	Đăng ký xóa đăng ký thế chấp
37	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký
38	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất
39	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép
40	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp phải xin phép
41	Chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
42	Tách thửa hoặc hợp thửa
43	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình và cá nhân
44	Giải quyết tranh chấp đất đai
45	Cấp Giấy chứng nhận cho người nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chia tách hộ gia đình hoặc chia tách nhóm người sử dụng đất, nhóm chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất
46	Cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất, tài sản trên đất nhưng người chuyển quyền sử dụng đất không nộp giấy chứng nhận để thực hiện thủ tục chuyển quyền (Trường hợp nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản

	gắn liền với đất kê từ ngày 01/07/2004)
47	Thu hồi đất đối với trường hợp người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất
48	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đối với dự án thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường
49	Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường đối với đề xuất hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường
50	Thẩm định hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng

### III. Lĩnh vực tư pháp (24 thủ tục)

51.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản
52.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản
53.	chứng thực giấy ủy quyền
54.	Chứng thực hợp đồng ủy quyền
55.	chứng thực hợp đồng tặng cho nhà ở
56.	Chứng thực hợp đồng mua bán nhà ở
57.	Chứng thực hợp đồng cho thuê nhà
58.	chứng thực hợp đồng cho mượn, cho ở nhờ nhà ở
59.	Chứng thực hợp đồng đổi nhà
60.	Chứng thực hợp đồng thế chấp nhà ở
61.	Chứng thực hợp đồng ủy quyền quản lý nhà
62.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản có giá trị dưới 50 triệu
63.	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt, giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và giấy tờ, văn bản song ngữ
64.	Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài
65.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt, giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài và giấy tờ, văn bản song ngữ
66.	Chứng thực điểm chỉ trong các giấy tờ, văn bản tiếng Việt và giấy tờ, văn bản song ngữ
67.	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch
68.	Cấp lại bản chính giấy khai sinh
69.	Thay đổi họ, tên, chữ đệm đã được đăng ký trong sổ đăng ký khai sinh và bản chính giấy khai sinh, nhưng có yêu cầu thay đổi khi có lý do chính đáng theo quy định của bộ luật Dân sự (cho người từ 14 tuổi trở lên)
70.	Cải chính những nội dung đã được đăng ký trong sổ đăng ký khai sinh và

	bản chính Giấy khai sinh, nhưng có sai sót trong khi đăng ký (cho người từ 14 tuổi trở lên)
71.	Xác định lại dân tộc của người con theo dân tộc của người cha hoặc dân tộc của người mẹ (không phân biệt độ tuổi)
72.	Xác định lại giới tính của một người trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ về giới tính (không phân biệt độ tuổi)
73.	Bổ sung những nội dung chưa được đăng ký trong sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh (không phân biệt độ tuổi)
74.	Điều chỉnh những nội dung trong sổ đăng ký hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác, không phải Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh (Không phân biệt độ tuổi)
<b>IV. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo (15 thủ tục)</b>	
75.	Xin phép thành lập trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
76.	Đăng ký hoạt động giáo dục đối với trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
77.	Sáp nhập, chia tách trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
78.	Giải thể trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục
79.	Xin phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục
80.	Đăng ký hoạt động trường trung học cơ sở tư thục
81.	Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở tư thục
82.	Giải thể trường trung học cơ sở tư thục
83.	Thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
84.	Thủ tục tiếp nhận học sinh nước ngoài về nước cấp trung học cơ sở
85.	Thủ tục tiếp nhận học sinh Việt Nam về nước cấp trung học cơ sở
86.	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường (nội dung chương trình trung học cơ sở)
87.	Cấp, gia hạn giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường (nội dung chương trình trung học cơ sở)
88.	Chỉnh, sửa nội dung bằng tốt nghiệp trung học cơ sở
89.	Cấp bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở
<b>V. Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (06 thủ tục)</b>	
90.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị
91.	Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng thành tích theo đợt, chuyên đề

92.	Giấy khen của chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất
93.	Giấy khen của chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại
94.	Xét danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "lao động tiên tiến"
95.	Xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"
<b>VI. Lĩnh vực đăng ký kinh doanh (14 thủ tục)</b>	
96.	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh
97.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh
98.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
99.	Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh
100.	Đăng ký kinh doanh Hợp tác xã
101.	Đăng ký kinh doanh trong trường hợp thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh Hợp tác xã
102.	Đăng ký kinh doanh trong trường hợp thay đổi nơi đăng ký kinh doanh; thay đổi địa chỉ trụ sở chính; thay đổi tên HTX; thay đổi số lượng xã viên, người đại diện theo pháp luật; danh sách Ban quản trị, Ban kiểm soát; thay đổi vốn điều lệ; sửa đổi Điều lệ HTX; chia tách HTX
103.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc HTX
104.	Đăng ký kinh doanh đối với trường hợp hợp nhất HTX
105.	Đăng ký kinh doanh khi sát nhập HTX
106.	Đăng ký tạm ngừng hoạt động của HTX
107.	Đăng ký giải thể HTX (tự nguyện giải thể)
108.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của HTX (Trường hợp bị mất)
109.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của HTX (Trường hợp bị hư hỏng)
<b>VII. Lĩnh vực chính sách người có công với cách mạng (18 thủ tục)</b>	
110.	Xét cấp sổ ưu đãi giáo dục- đào tạo cho học sinh, sinh viên con của đối tượng người có công với cách mạng
111.	Chi trả trợ cấp ưu đãi giáo dục- đào tạo cho người có công với cách mạng
112.	Xét hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (đối với đối tượng đã về với gia đình)
113.	Xét hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng đang công tác)



114.	Xét hưởng bổ sung chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước (đối với những trường hợp thuộc đối tượng đã được hưởng chế độ hoặc đã lập hồ sơ đề hưởng chế độ theo quy định tại nghị định số 23/1999/NĐ-CP hoặc quyết định số 290/2005/QĐ-TTg nay được bổ sung hưởng chế độ theo quy định tại quyết định số 188/2007/QĐ-TTg)
115.	Giải quyết chế độ mai táng phí cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước
116.	Giải quyết chế độ bảo hiểm y tế cho đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước
117.	Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người có công với cách mạng
118.	Giải quyết chế độ đối với người có công giúp đỡ cách mạng
119.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày
120.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày và người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc chết trước ngày 01/01/1995
121.	Giải quyết trợ cấp tuất tử trần (Người có công với cách mạng tử trần)
122.	Giải quyết chế độ đối với người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc
123.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong kháng chiến
124.	Cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
125.	Giải quyết chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp. Dụng cụ chỉnh hình và phục hồi chức năng đối với người có công với cách mạng
126.	Cấp giấy giới thiệu thân nhân di chuyển hải cột liệt sĩ
127.	Cấp giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ
<b>VIII. Lĩnh vực bảo trợ xã hội (14 thủ tục)</b>	
128.	Trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi
129.	Trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi đủ điều kiện tiếp nhận vào sống trong cơ sở bảo trợ xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng
130.	Hỗ trợ mai táng phí đối với người cao tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng
131.	Tiếp nhận người cao tuổi vào nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội
132.	Cấp giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi

133.	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi
134.	Trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng
135.	Trợ cấp gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi.
136.	Hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
137.	Xét đề nghị đưa đối tượng bảo trợ xã hội vào cơ sở bảo trợ xã hội
138.	Hỗ trợ cho trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm
139.	Cấp bù học phí (theo mức học phí của các trường công lập trong vùng) cho học sinh là con của người có công với nước, các đối tượng chính sách học mẫu giáo và phổ thông ngoài công lập
140.	Cấp trực tiếp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng được miễn, giảm học phí học chính quy ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập
141.	Hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015
<b>IX. Lĩnh vực quản lý đô thị (08 thủ tục)</b>	
142.	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 1
143.	Cấp Giấy phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động - trạm BTS loại 2
144.	Cấp giấy chứng nhận số nhà
145.	Cấp giấy phép quy hoạch
146.	Thẩm định nhiệm vụ - dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng củ đô thị; quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)
147.	Thẩm định đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu chức năng củ đô thị; quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn)
148.	Giám định hiện trạng công trình xây dựng
149.	Phê duyệt phương án phá dỡ công trình, nhà ở riêng lẻ
<b>X. Lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao (05 thủ tục)</b>	
150.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke
151.	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân
152.	Công nhận "xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"
153.	Công nhận lại "xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới"

154.	Công nhận danh hiệu "thôn văn hóa "; "Làng văn hóa" Tổ dân phố văn hóa"
<b>XI. Lĩnh vực tổ chức, bộ máy (04 thủ tục)</b>	
155.	Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã
156.	Thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập
157.	Thay đổi tên cơ sở, trụ sở, giám đốc, quy chế hoạt động cơ sở BTXH ngoài công lập
158.	Giải thể cơ sở bảo trợ XH ngoài công lập
<b>XII. Lĩnh vực tôn giáo (09 thủ tục)</b>	
159.	Chấp thuận hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở
160.	Đăng ký hội đoàn tôn giáo
161.	Đăng ký dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác
162.	Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành
163.	Tiếp nhận thông báo chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành
164.	Chấp thuận các cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo
165.	chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo
166.	Tiếp nhận thông báo tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo
167.	chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở có sự tham gia của tín đồ trong huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
<b>XIII. Lĩnh vực nông nghiệp (02 thủ tục)</b>	
168.	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với bò đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại cơ sở chăn nuôi
169.	Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với lợn đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp nuôi tại gia đình
<b>XIV. Lĩnh vực phát triển nông nghiệp (09 thủ tục)</b>	
170.	Xét duyệt hộ gia đình được di chuyển đến vùng dự án (hoặc đến xã nhận dân xen, ghép)
171.	Bố trí ổn định dân cư nội vùng dự án, nội tỉnh cùng huyện
172.	Bố trí, ổn định dân cư nội tỉnh khác huyện
173.	Bố trí, ổn định dân cư ngoại tỉnh
174.	Bố trí ổn định dân cư đến các xã nhận dân ghép cùng huyện

175.	Bố trí ổn định dân cư đến các xã nhận dân ghép khác huyện
176.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
177.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại
178.	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại
<b>XV. Lĩnh vực Lâm nghiệp (11 thủ tục)</b>	
179.	Phê duyệt phương án khai thác rừng theo phương thức khai thác chính, khai thác gỗ phục vụ cho nhu cầu hàng năm từ rừng tự nhiên
180.	Cấp giấy phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên, khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm
181.	Cấp giấy phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại
182.	Đăng ký khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình, hoặc sử dụng vào mục đích khác
183.	Đăng ký khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh đối với rừng tự nhiên
184.	Đăng ký khai thác tận dụng những cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy và tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh đối với gỗ rừng tự nhiên hoặc rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại
185.	Cấp giấy phép khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ, tre, nứa trong rừng tự nhiên, rừng trồng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng)
186.	Cho thuê rừng đối với hộ gia đình và cá nhân
187.	Giao rừng cho hộ gia đình và cá nhân
188.	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn
189.	Thu hồi rừng đối với trường hợp chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự nguyện trả lại rừng.